

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-3-2022

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim Định.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Đúng.
2. Ông Trần Hữu Ngôn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

**Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 484/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Dương Tiểu Nh, sinh năm: 1993 (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: A tổ B, Khu phố C, Thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung H, sinh năm: 1988 (Vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: A tổ B, Khu phố C, Thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được – nguyên đơn bà Dương Tiểu Nh trình bày:** Bà và ông Nguyễn Trung H chung sống với nhau từ đầu năm 2017, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 21/9/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện Bình Chánh, thành

phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, bà và ông H chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì. Đến tháng 11 năm 2020, vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, ông H ham chơi cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con và bà có góp ý ông H, ông H không thay đổi mà ông H còn có những lời lẽ xúc phạm bà. Bà và ông H đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Tiểu Đ (nữ), sinh ngày 09/11/2017, hiện trẻ Đ đang sống chung với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc trẻ Đ, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trung H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Tiểu Nh đối với ông Nguyễn Trung H; Về con chung: giao trẻ Nguyễn Tiểu Đ (nữ), sinh ngày 09/11/2017 cho bà Dương Tiểu Nh được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Tài sản chung: không có; Nợ chung: không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Dương Tiểu Nh nộp đơn xin ly hôn đối với ông Nguyễn Trung H. Ông Nguyễn Trung H hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Nguyễn Trung H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Trung H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Dương Tiểu Nh có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến

hành xét xử vắng mặt bà Nh theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Nguyễn Trung H đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Dương Tiểu Nh với ông Nguyễn Trung H nhưng ông H không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, ông Nguyễn Trung H tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông Nguyễn Trung H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 69 do Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/9/2017 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Dương Tiểu Nh và ông Nguyễn Trung H là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Bà Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông H không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà Nh thì giữa bà và ông H bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Như vậy, vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, ông H cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Tiểu Nh đối với ông Nguyễn Trung H.

[6] Về con chung: Bà Dương Tiểu Nh và ông Nguyễn Trung H có 01 con chung tên Nguyễn Tiểu Đ (giới tính nữ), sinh ngày: 09/11/2017. Sau khi ly hôn, bà Nh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Đan, bà không yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông H vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông H về con chung giữa bà Nh với ông H nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của bà Nh, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nh, giao trẻ Nguyễn Tiểu Đ (giới tính nữ), sinh ngày: 09/11/2017 cho bà Nh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông H cho đến khi bà Nh có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: Bà Nh xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Bà Nh xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Bà Dương Tiểu Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Tiểu Nh đối với ông Nguyễn Trung H.

Bà Dương Tiểu Nh được ly hôn với ông Nguyễn Trung H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 69 do Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/9/2017 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Dương Tiểu Nh và ông Nguyễn Trung H có 01 con chung tên Nguyễn Tiểu Đ (giới tính nữ), sinh ngày: 09/11/2017. Bà Dương Tiểu Nh được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Tiểu Đ; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Trung H.

Ông Nguyễn Trung H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà Nh xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nh xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Dương Tiểu Nh chịu 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà Nh đã nộp theo biên lai thu số

AA/2019/0081414 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nh đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nh và ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Ủy ban nhân dân Thị trấn Tân Túc;
- Lưu hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Kim Định**

## **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 17/3/2022.

Tại: Phòng nghị án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Đúng**

2. Ông **Trần Hữu Ngôn**

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn” thụ lý số 484/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa:

*Nguyên đơn:* Bà **Dương Tiểu Nh**, sinh năm: 1993 (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: A tổ B, Khu phố C, Thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Ông **Nguyễn Trung H**, sinh năm: 1988 (Vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: A tổ B, Khu phố C, Thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Tiểu Nh đối với ông Nguyễn Trung H.

Bà Dương Tiểu Nhi được ly hôn với ông Nguyễn Trung H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 69 do Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/9/2017 không còn giá trị pháp lý.

Thông nhất biểu quyết 3/3: tỷ lệ 100% đồng ý.

2. Về con chung: Bà Dương Tiểu Nh và ông Nguyễn Trung H có 01 con chung tên Nguyễn Tiểu Đ (giới tính nữ), sinh ngày: 09/11/2017. Bà Dương Tiểu Nh được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Tiểu Đ an; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Trung H.

Ông Nguyễn Trung H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Thông nhất biểu quyết 3/3: tỷ lệ 100% đồng ý.

3. Về tài sản chung: Bà Nh xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

Thông nhất biểu quyết 3/3: tỷ lệ 100% đồng ý.

4. Về nợ chung: Bà Nh xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Thông nhất biểu quyết 3/3: tỷ lệ 100% đồng ý.

5. Về án phí: Bà Dương Tiểu Nh chịu 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà Nh đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0081414 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nh đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thống nhất biểu quyết 3/3: tỷ lệ 100% đồng ý.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nh và ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Thống nhất biểu quyết 3/3: tỷ lệ 100% đồng ý.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 17 tháng 3 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Kim Định**